

DOI: 10.58490/ctjump.2026i101.4718

## KHẢO SÁT TỶ LỆ THỂ CHẤT KHÍ UẤT THEO THANG ĐO CCMQ VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN THỂ CHẤT KHÍ UẤT Ở SINH VIÊN Y HỌC CỔ TRUYỀN

Hoàng Văn Trường, Lâm Quang Vinh\*, Trần Quốc Trọng,  
Trần Quốc Thái, Trần Thăng Long

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

\*Email: lqvinh@ctump.edu.vn

1. Ngày nhận bài: 09/3/2026

2. Ngày phản biện: 14/7/2026

3. Ngày duyệt đăng: 20/8/2026

### TÓM TẮT

**Đặt vấn đề:** Thể chất khí uất theo Y học cổ truyền là trạng thái Can khí uất kết, chịu ảnh hưởng bởi yếu tố tâm lý – xã hội. Sinh viên Y học cổ truyền có nguy cơ cao do áp lực học tập, trong khi các nghiên cứu về tỷ lệ và yếu tố liên quan còn hạn chế. **Mục tiêu nghiên cứu:** Khảo sát tỷ lệ thể chất khí uất theo Y học cổ truyền và xác định một số yếu tố liên quan ở sinh viên ngành Y học cổ truyền Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 315 sinh viên Y học cổ truyền từ tháng 6/2025 đến tháng 4/2026. **Kết quả:** Tỷ lệ thể chất khí uất là 43,5%. Phân tích hồi quy logistic cho thấy các yếu tố liên quan có ý nghĩa thống kê gồm: giới tính nữ (OR = 1,74; 95%CI: 1,05-2,91;  $p = 0,032$ ), không hứng thú với ngành học (OR = 2,68; 95%CI: 1,45-4,95;  $p = 0,002$ ) và thói quen thức khuya (OR = 3,02; 95%CI: 1,21-7,54;  $p = 0,018$ ). Các yếu tố như tuổi, năm học, nơi tạm trú và hệ đào tạo chưa ghi nhận mối liên quan có ý nghĩa thống kê ( $p > 0,05$ ). **Kết luận:** Thể chất khí uất chiếm tỷ lệ tương đối cao ở sinh viên Y học cổ truyền. Các yếu tố tâm lý và thói quen sinh hoạt, đặc biệt là thức khuya và mức độ hứng thú với ngành học, có liên quan rõ rệt đến thể chất khí uất. Vì vậy, cần có các biện pháp can thiệp sớm nhằm hỗ trợ cải thiện sức khỏe tinh thần cũng như thể chất cho sinh viên.

**Từ khóa:** Thể chất Y học cổ truyền, khí uất, CCMQ, tạng Can, sinh viên Y học cổ truyền.

### ABSTRACT

## PREVALENCE OF QI STAGNATION CONSTITUTION ASSESSED BY THE CCMQ SCALE AND ASSOCIATED FACTORS AMONG TRADITIONAL MEDICINE STUDENTS

Hoang Van Truong, Lam Quang Vinh\*, Tran Quoc Trong,  
Tran Quoc Thai, Tran Thang Long

Can Tho University of Medicine and Pharmacy

**Background:** Qi stagnation constitution in Traditional Medicine is a pathological state characterized by stagnation of Liver qi, influenced by psychosocial factors. Traditional Medicine students may be at higher risk due to academic pressure, but studies on its prevalence and associated factors remain limited. **Objectives:** To determine the prevalence of Qi stagnation constitution and identify associated factors among Traditional Medicine students at Can Tho University of Medicine and Pharmacy. **Materials and methods:** A cross-sectional descriptive study was conducted on 315 students from June 2025 to April 2026. **Results:** The prevalence of Qi stagnation constitution was 43.5%. Logistic regression analysis revealed significant associations with female gender (OR = 1.74; 95%CI: 1.05-2.91;  $p = 0.032$ ), lack of interest in the major (OR = 2.68; 95%CI: 1.45-4.95;  $p = 0.002$ ), and late-night sleeping habits (OR = 3.02; 95%CI: 1.21-7.54;  $p = 0.018$ ). Other variables showed no statistically significant associations ( $p > 0.05$ ). **Conclusion:** Qi stagnation constitution is relatively common among Traditional Medicine students.

*Psychological factors and lifestyle habits, particularly late-night sleeping and academic interest, are significantly associated with Qi stagnation constitution. Early lifestyle intervention and psychological support strategies are recommended.*

**Keywords:** Traditional Medicine constitution, Qi stagnation, CCMQ, Liver (Zang organ), Traditional medicine students.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo giáo sư Vương Kỳ, thể chất con người gồm 9 loại, trong đó khí uất là một dạng thể chất thiên lệch đặc trưng bởi tình trạng khí cơ uất trệ, thường liên quan đến rối loạn tình chí và chức năng sơ tiết của Can [1]. Khí uất được hiểu là tình trạng Can khí mất chức năng sơ tiết, khí cơ uất trệ, thường liên quan đến rối loạn tình chí hoặc khí huyết không điều hòa [2].

Cùng với sự phát triển của công cụ đánh giá thể chất như CCMQ (Constitution in Chinese Medicine Questionnaire), việc xác định và phân loại thể chất đã có cơ sở khoa học và tính chuẩn hóa cao hơn. Một số nghiên cứu tại thành phố Hồ Chí Minh ghi nhận tỷ lệ thể chất khí uất trong cộng đồng dao động khoảng 15-18% [3], [4].

Sinh viên ngành Y nói chung là nhóm đối tượng chịu nhiều áp lực học tập do khối lượng kiến thức lớn, thời gian đào tạo kéo dài và môi trường cạnh tranh cao. Đối với sinh viên Y học cổ truyền, áp lực này càng rõ nét hơn khi chương trình đào tạo đòi hỏi tiếp cận song song hai hệ thống y học với nền tảng lý luận và phương pháp tư duy khác biệt. Việc thích nghi với khối lượng học tập, thực hành lâm sàng, thi cử liên tục cùng với rối loạn nhịp sinh hoạt có thể ảnh hưởng đến điều hòa khí cơ, làm gia tăng nguy cơ hình thành hoặc biểu hiện rõ thể chất khí uất. Nghiên cứu của Lê Thu Thảo và cộng sự năm 2024 trên 717 sinh viên Khoa Y học cổ truyền, Đại học Y Dược TP.HCM ghi nhận tỷ lệ thể chất khí uất chiếm 48,1%, cho thấy đây là một thể chất khá phổ biến trong nhóm đối tượng này [5]. Tại Việt Nam, phiên bản tiếng Việt của CCMQ đã được kiểm định trên 455 người từ 18 tuổi trở lên, với Cronbach's alpha của các phân thang dao động từ 0,7 đến 0,83 và hệ số test-retest từ 0,63 đến 0,90; riêng phân thang khí uất có Cronbach's alpha 0,83 [6]. Kết quả này tạo cơ sở khoa học cho việc sử dụng CCMQ trong nghiên cứu ở người Việt Nam, trong đó có sinh viên ngành Y học cổ truyền. Tuy nhiên, hiện còn thiếu các nghiên cứu chuyên biệt đánh giá tỷ lệ và các yếu tố liên quan đến thể chất khí uất trong nhóm đối tượng này. Xuất phát từ khoảng trống nghiên cứu nêu trên, việc khảo sát tỷ lệ thể chất khí uất theo thang điểm CCMQ và phân tích một số yếu tố liên quan ở sinh viên Y học cổ truyền là cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn. Kết quả nghiên cứu kỳ vọng sẽ cung cấp bằng chứng khoa học cho công tác quản lý sức khỏe sinh viên, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo trong môi trường y khoa đặc thù. Nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu: Khảo sát tỷ lệ thể chất khí uất theo Y học cổ truyền và xác định một số yếu tố liên quan ở sinh viên ngành Y học cổ truyền Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên ngành Y học cổ truyền Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm học 2025-2026.

- **Tiêu chuẩn chọn lựa:** Sinh viên đang học ngành Y học cổ truyền tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ và đồng ý tham gia nghiên cứu.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Sinh viên thuộc các ngành khác, đã bảo lưu, thôi học hoặc đã tốt nghiệp, sinh viên trả lời không đầy đủ bộ câu hỏi, câu trả lời không hợp lệ.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

- **Cỡ mẫu:** Cỡ mẫu được tính theo công thức:

$$n = \frac{Z_{1-\frac{\alpha}{2}}^2 \times p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó: n là cỡ mẫu nhỏ nhất hợp lý.

$Z_{1-\alpha/2} = 1,96$  với độ tin cậy 95%.

$p = 0,481$  là tỷ lệ thể chất khí uất ước tính ban đầu [5].  $d = 0.1$  là sai số cho phép.

Thay vào công thức trên, ta tính được cỡ mẫu tối thiểu cần thiết khoảng 96 sinh viên.

Thực tế, nghiên cứu đã thu thập được 315 sinh viên, lớn hơn cỡ mẫu tối thiểu đã tính toán, do đó đảm bảo độ tin cậy của kết quả nghiên cứu.

- **Phương pháp chọn mẫu:** Chọn mẫu thuận tiện.

- **Nội dung nghiên cứu:**

+ Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu: tuổi, giới tính, năm học, nơi tạm trú.

+ Tỷ lệ thể chất khí uất: Bảng phân loại thể chất YHCT gồm 9 bảng phụ tương ứng với 9 dạng thể chất, trong đó thể chất khí uất được đánh giá bằng bảng phân thang thể chất khí uất gồm 7 câu hỏi: 9, 10, 11, 12, 13, 15, 47 [6].

+ Một số yếu tố liên quan đến thể chất khí uất: tuổi, giới, năm học, nơi tạm trú, hệ đào tạo, hứng thú với ngành học, thức khuya.

- **Phân tích số liệu:** Sử dụng phần mềm SPSS 26 với 2 kỹ thuật là thống kê mô tả và thống kê suy luận bằng hồi quy logistic để đưa ra các bảng kết quả với các chỉ số về tần số, tỷ lệ, OR, CI%, p.

- **Đạo đức trong nghiên cứu:** Các biến số, chỉ số được thu thập trung thực, đối tượng nghiên cứu được giải thích về mục đích, cách tiến hành nghiên cứu và tự nguyện đồng ý tham gia khảo sát, mọi thông tin của đối tượng nghiên cứu đều được giữ bí mật. Nghiên cứu đã được Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu Y sinh học Trường Đại học Y Dược Cần Thơ phê duyệt số 25.004.SV/PCT-HĐĐĐ ngày 12/05/2025.

### III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 3.1. Đặc điểm chung của đối tượng

Bảng 1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu

| Đặc điểm  |                       | Tần số (n) | Tỷ lệ (%) |
|-----------|-----------------------|------------|-----------|
| Tuổi      | Dưới 24 tuổi          | 219        | 69,5      |
|           | Từ 24 tuổi trở lên    | 96         | 30,5      |
| Giới tính | Nam                   | 117        | 37,1      |
|           | Nữ                    | 198        | 62,9      |
| Năm học   | Năm 1-2               | 151        | 47,9      |
|           | Năm 3-4-5-6           | 164        | 52,1      |
| Tạm trú   | Sống cùng gia đình    | 69         | 21,9      |
|           | Ở trọ hoặc KTX        | 237        | 75,2      |
|           | Ở nhà người thân quen | 9          | 2,9       |

Nhận xét: Nghiên cứu được thực hiện trên 315 sinh viên ngành Y học cổ truyền Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Về độ tuổi, nhóm sinh viên dưới 24 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất với 69,5% ( $n = 219$ ), trong khi nhóm từ 24 tuổi trở lên chiếm 30,5% ( $n = 96$ ). Xét về giới tính, nữ giới chiếm đa số với 62,9% ( $n = 198$ ), trong khi nam giới chiếm 37,1% ( $n = 117$ ). Theo năm học, sinh viên năm 1–2 chiếm 47,9% ( $n = 151$ ), thấp hơn so với nhóm sinh viên năm 3-4-5-6 chiếm 52,1% ( $n = 164$ ). Về nơi tạm trú, đa số sinh viên sống ở trọ hoặc

ký túc xá với 75,2% (n = 237); sinh viên sống cùng gia đình chiếm 21,9% (n = 69) và sống tại nhà người thân chiếm tỷ lệ thấp nhất với 2,9% (n = 9).

### 3.2. Tỷ lệ thể chất khí uất

Bảng 2. Thực trạng thể chất khí uất trên sinh viên ngành Y học cổ truyền Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2025

| Thể chất khí uất | Tần số (người) | Tỷ lệ (%) |
|------------------|----------------|-----------|
| Có               | 137            | 43,5      |
| Không            | 178            | 56,5      |

Nhận xét: Trong tổng số 315 sinh viên tham gia nghiên cứu, có 137 sinh viên được xác định có thể chất khí uất, chiếm tỷ lệ 43,5%.

### 3.3. Một số yếu tố liên quan đến thể chất khí uất

Bảng 3. Phân tích hồi quy logistic các yếu tố liên quan đến thể chất khí uất

| Yếu tố liên quan       |                    | Thể chất khí uất |            | OR<br>(95%CI)    | p     |
|------------------------|--------------------|------------------|------------|------------------|-------|
|                        |                    | Không n (%)      | Có n (%)   |                  |       |
| Tuổi                   | < 24 tuổi          | 118 (53,9)       | 101 (46,1) | 1                | 0,37  |
|                        | ≥ 24 tuổi          | 60 (62,5)        | 36 (37,5)  | 0,66 (0,27-1,63) |       |
| Giới tính              | Nam                | 79 (67,5)        | 38 (32,5)  | 1                | 0,032 |
|                        | Nữ                 | 99 (50,0)        | 99 (50,0)  | 1,74 (1,05-2,91) |       |
| Năm học                | 1-2                | 98 (64,9)        | 53 (35,1)  | 1                | 0,141 |
|                        | 3-6                | 80 (48,8)        | 84 (51,2)  | 1,47 (0,88-2,44) |       |
| Tạm trú                | Sống cùng gia đình | 46 (66,7)        | 23 (33,3)  | 1                | 0,305 |
|                        | Ở trọ/Ký túc xá    | 126 (53,2)       | 111 (46,8) | 1,59 (0,87-2,9)  | 0,13  |
|                        | Ở nhà người thân   | 6 (66,7)         | 3 (33,3)   | 1,17 (0,25-5,52) | 0,847 |
| Hệ đào tạo             | Liên thông         | 54 (70,1)        | 23 (29,9)  | 1                | 0,085 |
|                        | Chính quy          | 124 (52,1)       | 114 (47,9) | 2,35 (0,89-6,21) |       |
| Thức khuya             | Không              | 27 (79,4)        | 7 (20,6)   | 1                | 0,018 |
|                        | Có                 | 151 (53,7)       | 130 (46,3) | 3,02 (1,21-7,54) |       |
| Hứng thú với ngành học | Có                 | 155 (62,5)       | 93 (37,5)  | 1                | 0,002 |
|                        | Không              | 23 (34,3)        | 44 (65,7)  | 2,68 (1,45-4,95) |       |

Nhận xét: Kết quả hồi quy logistic đa biến ghi nhận 3 yếu tố có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với thể chất khí uất là giới tính, thói quen thức khuya và hứng thú với ngành học ( $p < 0,05$ ). Cụ thể, nữ giới có khả năng xuất hiện thể chất khí uất cao hơn nam giới ( $OR = 1,74$ ; 95%CI: 1,05-2,91;  $p = 0,032$ ). Sinh viên thường xuyên thức khuya có khả năng xuất hiện thể chất khí uất cao hơn nhóm không thức khuya ( $OR = 3,02$ ; 95%CI: 1,21-7,54;  $p = 0,018$ ). Sinh viên không hứng thú với ngành học có khả năng xuất hiện thể chất khí uất cao hơn nhóm hứng thú với ngành học ( $OR = 2,68$ ; 95%CI: 1,45-4,95;  $p = 0,002$ ). Các yếu tố gồm nhóm tuổi, năm học, nơi tạm trú và hình thức đào tạo chưa ghi nhận mối liên quan có ý nghĩa thống kê với thể chất khí uất trong mô hình hồi quy logistic đa biến ( $p > 0,05$ ).

## IV. BÀN LUẬN

### 4.1. Tỷ lệ thể chất khí uất

Kết quả nghiên cứu ghi nhận tỷ lệ thể chất khí uất ở sinh viên Y học cổ truyền là 43,5%, cho thấy đây là một thể chất khá phổ biến trong nhóm đối tượng này. Tỷ lệ này gần tương đồng với nghiên cứu của Lê Thu Thảo cũng trên cùng đối tượng (48,1%) [5], nhưng cao hơn rõ rệt so với tỷ lệ khí uất trong cộng đồng dân cư nói chung (khoảng 15–18%) [3], [4].

Sự khác biệt này có thể được giải thích bởi đặc điểm quần thể nghiên cứu. Sinh viên là nhóm đối tượng đang trong giai đoạn học tập, thích nghi xã hội và định hướng nghề nghiệp, thường chịu nhiều áp lực từ chương trình đào tạo, thi cử, thực hành lâm sàng, thay đổi môi trường sống và nhịp sinh hoạt. Đối với sinh viên ngành Y học cổ truyền, áp lực này có thể rõ hơn do người học phải tiếp cận đồng thời hệ thống lý luận Y học cổ truyền và kiến thức y học hiện đại. Những điều này có thể ảnh hưởng đến yếu tố tình chí và sự mất điều hòa khí cơ từ đó làm tăng khả năng xuất hiện thể chất khí uất.

Từ kết quả trên, cần tăng cường các biện pháp hỗ trợ tâm lý và định hướng lối sống lành mạnh cho sinh viên, đồng thời có thể tiến hành thêm các nghiên cứu dọc hoặc can thiệp để đánh giá hiệu quả các biện pháp điều chỉnh lối sống đối với thể chất khí uất hoặc mở rộng nghiên cứu trên nhiều cơ sở đào tạo khác để tăng tính khái quát.

#### **4.2. Một số yếu tố liên quan đến thể chất khí uất**

Phân tích các yếu tố liên quan cho thấy các yếu tố tâm lý và thói quen sinh hoạt đóng vai trò nổi bật trong sự hình thành thể chất khí uất. Trong đó, thức khuya là yếu tố có mức độ liên quan mạnh nhất. Sinh viên có thói quen thức khuya có khả năng xuất hiện thể chất khí uất cao gấp khoảng 3 lần so với nhóm không thức khuya. Theo quan điểm Y học cổ truyền, thức khuya kéo dài làm tổn thương Can huyết, Can mất đi sự nuôi dưỡng thì tính nhu hòa cũng suy giảm, ảnh hưởng đến chức năng sơ tiết của Can, từ đó dễ dẫn đến tình trạng khí trệ và khí uất [7] và ngược lại khí uất lâu ngày cũng có thể làm ảnh hưởng đến chức năng Can tàng huyết, Can không tàng được huyết thì sẽ xuất hiện chứng đêm ngủ không yên [8]. Kết quả này cũng phù hợp với y học hiện đại, khi nhiều nghiên cứu cho thấy thức khuya gây rối loạn nhịp sinh học, làm gia tăng stress và ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe tâm thần [9].

Kết quả nghiên cứu cũng ghi nhận giới tính nữ có khả năng xuất hiện thể chất khí uất cao hơn gần 2 lần so với nam giới, cho thấy yếu tố sinh lý và cảm xúc đóng vai trò quan trọng trong sự hình thành khí uất. Theo World Health Organization (WHO), nữ giới có xu hướng nhạy cảm hơn trước các tác động tâm lý – xã hội và có tỷ lệ mắc các rối loạn lo âu cao hơn so với nam giới, sự khác biệt này có thể liên quan đến yếu tố nội tiết, đặc điểm tâm sinh lý cũng như vai trò xã hội của phụ nữ [10]. Dưới góc nhìn của Y học cổ truyền, hoạt động sinh lý đặc thù của nữ giới gắn liền mật thiết với tạng Can. Một số học thuyết cho rằng “nữ tử dĩ Can vi tiên thiên”, nhấn mạnh vai trò chủ đạo của Can trong điều hòa khí huyết và cảm xúc ở phụ nữ [7]. Trong Kim quỹ yếu lược thì có đề cập đến chứng “mai hạch khí” – một biểu hiện thuộc phạm trù uất chứng, đa số cũng thường gặp ở nữ giới [11]. Từ những cơ sở trên, có thể nhận thấy thể chất khí uất có mối liên quan tương đối rõ ràng với giới tính nữ, cả dưới góc độ Y học hiện đại lẫn Y học cổ truyền.

Bên cạnh đó, mức độ hứng thú với ngành học có mối liên quan rõ rệt với thể chất khí uất. Những sinh viên không hứng thú với ngành học có khả năng xuất hiện khí uất cao hơn khoảng 2,7 lần, điều này có thể do tình trạng căng thẳng và chán nản kéo dài trong quá trình học tập. Theo Y học cổ truyền, tình chí uất kết được xem là nguyên nhân quan trọng gây ra khí uất [2], điều này phù hợp với kết quả thu được trong nghiên cứu.

Ngược lại, các yếu tố như tuổi, năm học, tạm trú và hình thức đào tạo không cho thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê với thể chất khí uất trong nghiên cứu này. Kết quả này có thể được giải thích bởi đặc điểm tương đối đồng nhất của đối tượng nghiên cứu, khi tất cả đều là sinh viên Y học cổ truyền học tập tại cùng một cơ sở đào tạo, có độ tuổi không chênh lệch nhiều, phần lớn sống xa gia đình và có điều kiện kinh tế – sinh hoạt không quá phân hóa. Ngoài ra, thể chất khí uất có thể chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi các yếu tố tâm lý

hơn là các yếu tố nhân khẩu học và yếu tố xã hội trong nhóm đối tượng này.

#### **4.3. Hạn chế của nghiên cứu**

Nghiên cứu sử dụng thiết kế cắt ngang mô tả, do đó chỉ có thể xác định mối liên quan giữa các yếu tố với thể chất khí uất tại một thời điểm nhất định, mà chưa thể khẳng định chắc chắn mối quan hệ nhân quả theo thời gian. Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện nên tính đại diện còn hạn chế. Ngoài ra, các biến số được thu thập bằng bảng hỏi tự khai báo nên có thể xảy ra sai lệch nhớ lại hoặc sai lệch thông tin.

### **V. KẾT LUẬN**

Nghiên cứu ghi nhận tỷ lệ thể chất khí uất ở sinh viên Y học cổ truyền là 43,5%, cho thấy đây là thể chất khá phổ biến trong nhóm đối tượng này. Các yếu tố liên quan có ý nghĩa thống kê gồm giới tính nữ, thói quen thức khuya và mức độ hứng thú với ngành học. Kết quả nhấn mạnh vai trò của yếu tố tâm lý, cảm xúc và lối sống trong sự hình thành thể chất khí uất. Cần tăng cường các biện pháp hỗ trợ tâm lý và điều chỉnh lối sống cho sinh viên nhằm cải thiện sức khỏe toàn diện. Các nghiên cứu tiếp theo nên mở rộng đối tượng khảo sát ở các ngành khác và bổ sung các thang đo về stress, lo âu, chất lượng giấc ngủ, hỗ trợ xã hội và động lực học tập để đánh giá khách quan hơn về thể chất khí uất.

### **LỜI CẢM ƠN**

Nhóm nghiên cứu xin chân thành cảm ơn Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đã hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài theo Quyết định giao thực hiện số 1900/QĐ-ĐHYDCT ngày 22/05/2025 của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Qi Wang. Individualized medicine, health medicine, and constitutional theory in Chinese medicine. *Frontiers of Medicine*. 2012. 6 (1), 1-7, <https://doi.org/10.1007/s11684-012-0173-y>.
  2. Hoàng Bảo Châu. Danh từ thuật ngữ Y - Dược cổ truyền. Nhà xuất bản Y học. Hà Nội. 2015. 104.
  3. Tô Hùng Vinh, Trần Thái Hà. Khảo sát mối tương quan giữa các yếu tố lối sống với thể chất Y học cổ truyền của người dân phường 5 quận 10 thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2023. 528 (2), 254-259, <https://doi.org/10.51298/vmj.v528i2.6126>.
  4. Huy Khanh Tang, Tien Cam Lam, Duong Thi Huong Nguyen, Thao Thu Le, Luu Bao Le. A study on traditional medicine body constitution types in residential community of District 4, Ho Chi Minh City. *MedPharmRes*. 2022. 6 (3), 37-43, <https://doi.org/10.32895/UMP.MPR.6.3.6>.
  5. Thao Thu Le, Huy Khanh Tang, Linh Thi Hoang Le, Tu Huynh Anh Nguyen, Luu Bao Le. Correlation between students' traditional medicine body constitution types and their quality of life. *Clinical Epidemiology and Global Health*. 2024. 29, 101768, <https://doi.org/10.1016/j.cegh.2024.101768>.
  6. Duong Thi Huong Nguyen, Thao Thu Le, Huy Khanh Tang, Luu Bao Le, Tien Cam Lam, và cộng sự. The Vietnamese version of the constitution in Chinese medicine questionnaire (CCMQ): validity and reliability. *MedPharmRes*. 2022. 6 (2), 18-27, <https://doi.org/10.32895/UMP.MPR.6.2.3>.
  7. Trần Quốc Bảo. Lý luận cơ bản Y học cổ truyền. Nhà xuất bản Y học. Hà Nội. 2010. 50-55.
  8. Hoàng Trọng Quang. Y học cổ truyền. Nhà xuất bản Y học. Hà Nội. 2008. 34.
  9. M. Gardani, D. R. R. Bradford, K. Russell, S. Allan, L. Beattie, *et al*. A systematic review and meta-analysis of poor sleep, insomnia symptoms and stress in undergraduate students. *Sleep Med Rev*. 2022. 61, 101565, <https://doi.org/10.1016/j.smrv.2021.101565>.
  10. World Health Organization. Depression. 2023. <https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/depression>.
  11. Lê Minh Hoàng, Châu Nhị Vân. Giáo trình nội khoa Y học cổ truyền. Nhà xuất bản Y học. Hồ Chí Minh. 2024. 203.
-